

Bản án số: 09/2024/KDTM-PT

Ngày: 02-07-2024

V/v tranh chấp hợp đồng
phân phối hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Hoàng

Các Thẩm phán: Ông Dương Hùng Quang

Ông Đỗ Cao Khánh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Chơn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Từ Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 tháng 6 và ngày 02 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 02/2024/TLPT-KDTM ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc: Tranh chấp hợp đồng phân phối hàng hóa.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2024/KDTM-ST ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty TNHH U tại Tiền Giang (gọi tắt là Công ty U).

Địa chỉ trụ sở: Số A, đường Đ, khu Công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Cao Công B, sinh năm: 1983. Theo giấy ủy quyền số 202302/UP-GUQ ngày 06/7/2023 (có mặt).

- **Bị đơn:** Công ty TNHH T (gọi tắt là Công ty T).

Địa chỉ trụ sở: Khóm C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Nguyễn Thanh B1, sinh năm: 1982 - Chức vụ: Giám đốc (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Chi L, sinh năm: 1975. Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Trịnh Ngọc D, sinh năm: 1969. Địa chỉ cư trú: Khóm C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau. (có mặt).

- **Người kháng cáo:** Công ty TNHH T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Cao Công B trình bày:

Ngày 11/5/2022, Công ty U và Công ty T có ký hợp đồng phân phối thức ăn thủy sản số: TB-121/22/HĐPP/TS. Theo đó, Công ty U đồng ý giao cho Công ty T làm nhà phân phối (KHÔNG PHÂN PHỐI ĐỘC QUYỀN) để phân phối các sản phẩm nhãn hiệu: LAONEST SÚ, LAONEST THỂ, LAONEST PRO, UNIONE (BAO MỚI), TOPONE (BAO ĐỎ), LAONE100, AQUA100, THỨC ĂN CÁC NHÃN HIỆU UP do Công ty U sản xuất với các điều khoản chính sau đây:

- Điều 5.1: Địa điểm giao hàng tại: Lô C KCN M, tỉnh lộ 864, ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.

- Điều 6.1: Bên B (Công ty T) thanh toán cho bên A (Công ty U) trước khi nhận hàng. Trong trường hợp chuyển khoản thì bên B phải fax ủy nhiệm chi cho bên A. Sau khi đã nhận được ủy nhiệm chi, bên A sẽ tiếp tục thực hiện các thủ tục xuất hàng.

- Điều 6.2: Khi vào tháng cao điểm của vụ nuôi. Bên A đồng ý cho bên B mua trả chậm trong vòng hạn mức tín dụng.

Ngày 25/10/2022, Công ty U và Công ty T ký kết phụ lục số TB-121/22/HĐPP/TS của Hợp đồng. Theo đó, gia hạn Hợp đồng số: TB-121/22/HĐPP/TS từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 29/12/2023.

Công ty U và Công ty T có ký kết bảng đối chiếu xác nhận công nợ đến ngày 30/6/2023, theo đó Công ty T còn nợ Công ty U số tiền 273.958.111 đồng. Đến ngày 06/7/2023, Công ty U và Công ty T có ký biên bản thanh lý hợp đồng, trừ khoản tiền chiết khấu Công ty T còn nợ là 212.023.911 đồng. Đến ngày 01/8/2023 Công ty T thanh toán một phần là 50.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, còn nợ lại 162.023.911 đồng.

Công ty U đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu Công ty T thanh toán dứt điểm 162.023.911 đồng nhưng đến nay Công ty T vẫn chưa thực hiện thanh toán và vẫn còn nợ Công ty số tiền hàng hóa là 162.023.911 đồng. Việc Công ty T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo đúng thời hạn đã gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích chính đáng của Công ty U.

Nay Công ty U yêu cầu Công ty T thanh toán các khoản tiền cụ thể: Nợ gốc: 162.023.911 đồng; Lãi suất 10%/năm từ ngày 10/8/2023 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Bị đơn trình bày:

Thống nhất với phần trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Công ty U về việc ký kết hợp đồng, ký kết phụ lục hợp đồng, thời hạn thanh toán.

Công ty T bắt đầu làm đại lý phân phối của Công ty U từ khoảng năm 2022. Trong thời gian thực hiện hợp đồng thì có ký xác nhận đối chiếu công nợ với Công ty U, còn nợ gốc: 162.023.911 đồng.

Theo Điều 1.3 của Hợp đồng số: TB-121/22/HĐPP/TS ký kết ngày 11/5/2022 thì Công ty T là nhà phân phối trong huyện N. Tại Điều 7.2 của Hợp đồng, Công ty U có quyền chỉ định một nhà phân phối mới nếu Công ty T1 hợp đồng. Tuy nhiên, Công ty T không nhận được thông báo gì từ Công ty U về việc vi phạm hợp đồng mà Công ty U đã có nhà phân phối khác vào làm nhà phân phối. Công ty U đã vi phạm hợp đồng khi thỏa thuận về nhà phân phối độc quyền dẫn đến thiệt hại cho Công ty T số tiền 437.934.540 đồng, bởi lẽ: Công ty T bán thức ăn thủy sản của Công ty U cho hộ ông Trịnh Ngọc D, hiện ông D đang nợ Công ty T số tiền 437.934.540 đồng nhưng Công ty U tạo điều kiện cho đại lý V1 phân phối hàng hóa cùng loại, cùng thương hiệu của Công ty U và hạ giá thành để giành khách hàng của Công ty T khi Công ty T đang đầu tư vào khu nuôi đang hoạt động. Ngoài ra, khách hàng còn phải giao luôn phần đất cho nhà phân phối mới Công ty U tự nuôi tôm công nghệ cao để trừ vào phần nợ riêng, từ đó khách hàng không còn khả năng chi trả khoản nợ của Công ty T vì không còn nguồn thu.

Nay Công ty T có yêu cầu phản tố, buộc Công ty U bồi thường thiệt hại tổng số tiền gốc là 437.934.540 đồng và lãi suất theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Ngọc D trình bày:

Ông D là hộ nuôi tôm công nghiệp ở địa phương nên có mua thức ăn thủy sản của nhiều cơ sở đại lý bán thức ăn thủy sản. Trong đó có mua của Công ty T từ năm 2018 và nợ tiền mua thức ăn thủy sản là 437.934.540 đồng. Ông D có mua thức ăn thủy sản của đại lý V1 khoảng tháng 3, tháng 4 năm 2022. Vào đầu năm 2023, do nuôi tôm bị thất, không có khả năng nuôi tôm tiếp và nợ nhiều nên ông D cho người khác thuê lại ao nuôi tôm. Do không còn khả năng nuôi tôm công nghiệp, nên ông D muốn cho người khác thuê lại ao tôm, có liên hệ cho nhiều đại lý kể cả Công ty T nhưng Công ty T không thuê lại ao nuôi. Do có quen biết với ông Vương Châu B2, ông D cũng mượn tiền nhiều lần, có mua thức ăn thủy sản và nợ tiền ông B2 thì giữa ông D với ông B2 có trao đổi với nhau, ông B2 thuê lại ao tôm của ông D. Giá thuê là 1.050.000.000 đồng cho 3 năm. Trừ nợ 950.000.000 đồng nên sau khi cân trừ nợ thì tiền thuê mà ông B2 trả cho ông D là 100.000.000 đồng cho thời hạn thuê ao là 3 năm. Chỉ còn lấy tiền mặt từ tiền thuê ao tôm công nghiệp là 100.000.000 đồng. Hiện nay thời hạn thuê còn lại là 2 năm.

Đối với tranh chấp giữa Công ty U với Công ty T thì ông D không ý kiến. Đối với tiền nợ Công ty T thì ông D thừa nhận và sẽ trả cho Công ty T số tiền gốc 437.934.540 đồng.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2024/KDTM-ST ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn đã quyết định:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH U tại Tiền Giang về việc tranh chấp hợp đồng phân phối với Công ty TNHH T.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH T về việc yêu cầu Công ty TNHH U tại Tiền Giang bồi thường thiệt hại 437.934.540 đồng và tiền lãi.

- Buộc Công ty TNHH T có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền còn nợ là 170.923.885 đồng cho Công ty TNHH U tại Tiền Giang.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất do chậm thi hành, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 13 tháng 3 năm 2024 bị đơn là Công ty T có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2024/KDTM-ST ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn và đối trừ khoản tiền bị đơn nợ nguyên đơn vào số tiền được chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn là Công ty T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2024/KDTM-ST ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn Công ty T, sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ông Nguyễn Thanh B1 kháng cáo cho rằng Công ty U phân phối cho nhà đại lý khác Công ty T là vi phạm hợp đồng, giành khách hàng, gây thiệt hại cho Công ty T. Cụ thể là Công ty T không đòi được nợ của khách hàng là ông Trịnh Ngọc D, gây thiệt hại số tiền 437.934.540 đồng nên yêu cầu Công ty U bồi thường là không có cơ sở chấp nhận bởi lẽ:

Tại mục 10.1 Điều 10 của Hợp đồng số: TB-121/22/HĐPP/TS ký kết ngày 11/5/2022 giữa bên A là Công ty U với bên B là Công ty T quy định: “*Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm độc lập về tài chính và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và với bên thứ ba đối với các hoạt động kinh doanh của mình không làm ảnh hưởng đến Bên A*”. Do đó việc ông Duyên nợ Công ty T khoản tiền 437.934.540 đồng là tranh chấp dân sự không liên quan gì đến hợp đồng đã giao kết giữa nguyên đơn và bị đơn, cũng như không liên quan đến khoản nợ mà bị đơn còn thiếu nguyên đơn. Công ty T cũng không có chứng cứ để chứng minh được mối quan hệ nhân quả của việc ông Duyên nợ Công ty T tiền mua thức ăn thủy sản là do lỗi của phía Công ty U.

Tòa án cấp sơ thẩm đã làm việc với ông D và ông D thừa nhận có nợ Công ty T tiền mua thức ăn thủy sản số tiền gốc là 437.934.540 đồng. Như vậy nếu Công ty T không đòi được nợ từ ông D thì có quyền khởi kiện ông D bằng một vụ án dân sự khác.

Ngoài ra tại Điều 1, mục 1.1 của Hợp đồng số: TB-121/22/HĐPP/TS thể hiện: “*Bên A đồng ý giao cho bên B làm NHÀ PHÂN PHỐI...*”; mục 1.2 quy định: “*Bên B đồng ý làm NHÀ PHÂN PHỐI cho bên A, có nghĩa là: Bên B đồng ý chỉ bán sản phẩm thức ăn tôm, cá do Bên A sản xuất... Nếu bên B vi phạm quy định này, bên A có quyền xem xét lại hình thức Nhà phân phối... hoặc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn với bên B*”; mục 1.3 quy định: “*Khu vực bán hàng: Bên B chỉ được tổ chức hệ thống phân phối cấp dưới để bán hàng trong khu vực quy định là HUYỆN NĂM CĂN – TỈNH CÀ MAU*”. Như vậy, Hợp đồng đã có quy định rõ các nội dung và các bên đã đồng ý ký kết và thực hiện hợp đồng. Theo đó thỏa thuận hợp đồng giữa các bên không có điều khoản nào thể hiện phân phối “ĐỘC QUYỀN” như trình bày của Công ty T.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 19/6/2024 Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa để các bên đương sự cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu của mình. Sau khi tạm ngừng phiên tòa phía nguyên đơn cung cấp thêm chứng cứ gồm: Hợp đồng mua bán thức ăn thủy sản số VCB-28/20/HĐMB/TS ngày 09/05/2020 với ông Vương Châu B2, hợp đồng mua bán thức ăn thủy sản số TVH-35/20/HĐMB/TS ngày 20/07/2020 với ông Trần Văn H và hợp đồng mua bán thức ăn thủy sản số TVV-37/21/HĐMB/TS ngày 10/07/2021 với ông Thái Văn V. Như vậy trước khi ký hợp đồng với Công ty T phía nguyên đơn Công ty U đã ký hợp đồng mua bán với các đại lý khác trong khu vực huyện N, tỉnh Cà Mau. Do đó trình bày của bị đơn cho rằng Hợp đồng phân phối ký với nguyên đơn làm đại lý độc quyền là không đúng thực tế. Tại phiên tòa phúc thẩm Công ty T cho rằng khi ký kết hợp đồng phía nguyên đơn không thông tin cho bị đơn biết việc trước đó nguyên đơn đã ký kết hợp đồng với các đại lý khác, xét đây là quyền và cũng là nghĩa vụ của cả hai bên khi ký kết hợp đồng, đồng thời tại Hợp đồng cũng không có điều khoản nào quy định vấn đề này. Bị đơn thừa nhận việc ký kết hợp đồng là tự nguyện, hoàn toàn không bị ép buộc nên lý do bị đơn cho rằng nguyên đơn vi phạm hợp đồng để không thanh toán nợ cho nguyên đơn là không có căn cứ.

Tại phiên tòa bị đơn có cung cấp bản dịch đoạn ghi âm cuộc hội thoại giữa ông B1 và ông B với lý do chứng minh cho việc Công ty T có yêu cầu gặp nguyên đơn để trao đổi thêm về vấn đề phía nguyên đơn đã vi phạm hợp đồng. Tại phiên tòa ông Bằng k thống nhất mà cho rằng đoạn hội thoại trao đổi giữa hai bên là do bị đơn có mong muốn gặp ông B2 để báo về tình hình tài chính và khả năng thanh toán nợ của khách hàng là ông D, ngoài ra không có mục đích nào khác. Qua xem xét nội dung bản dịch hội thoại cũng không thể hiện được nội dung nào chứng minh phía nguyên đơn thừa nhận đã vi phạm Hợp đồng ký kết giữa hai bên nên không có căn cứ chấp nhận chứng cứ này.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn là Công ty T có kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ gì mới ngoài các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét như đã nhận định.

[4] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH T. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ

thẩm số 02/2024/KDTM-ST ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Năm Căn.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[6] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty T nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH T.

Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2024/KDTM-ST ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Năm Căn.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH U tại Tiền Giang, về việc tranh chấp hợp đồng phân phối với Công ty TNHH T.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH T, về việc yêu cầu Công ty TNHH U tại Tiền Giang bồi thường thiệt hại 437.934.540 đồng và tiền lãi.

3. Buộc Công ty TNHH T có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền còn nợ là 170.923.885 đồng cho Công ty TNHH U tại Tiền Giang.

Kể từ ngày 01/3/2024, Công ty TNHH T còn phải tiếp tục trả lãi cho Công ty TNHH U tại Tiền Giang theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

4. Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

+ Bị đơn là Công ty TNHH T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền 18.589.576 đồng.

+ Nguyên đơn là Công ty TNHH U tại Tiền Giang được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã dự nộp là 4.183.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016243 ngày 14 tháng 8 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bị đơn là Công ty TNHH T phải

chịu số tiền 2.000.000 đồng. Ngày 18/3/2024 Công ty đã dự nộp tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm số tiền 2.000.000 đồng theo biên lai thu số 0013927 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được chuyển thu đối trừ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Châu Minh Hoàng